

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26 – 7 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Kha

Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Út - là thư ký Tòa án

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 137/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử bổ sung số 417/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện T1, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Chị Nguyễn Kiều P (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã L, Tp C, tỉnh Cà Mau

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ, liên quan:

1/ Ông Nguyễn Thế Ph (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã V, TP C, tỉnh Cà Mau

2/ Ông Trần Quốc T (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 130, đường N, Phường M, Tp C, tỉnh cà Mau

3/ Anh Trần Trọng Tr (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 213/22, đường L, Phường H, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh

4/ Ông Nguyễn Văn B (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã V, Tp C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của anh Nguyễn Văn D trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân, anh và chị Nguyễn Kiều P chung sống với nhau vào tháng 4 năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1, tỉnh Cà Mau vào ngày 13/01/2017. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, vợ chồng đã ly thân nhau hơn 01 năm nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị P.

Về con chung, có 01 con chung tên là Nguyễn Gia H, sinh năm 2017, hiện nay con đang sống chung với chị P. Khi ly hôn anh đồng ý tiếp tục giao con cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: anh xác định không có.

Về nợ chung: Anh xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng có nợ anh T 4.000.000đ, nợ ông Ph 40.000.000đ, nợ anh Tr 15.000.000đ. Khi ly hôn, anh yêu cầu, mỗi người phải có trách nhiệm trả một nửa số nợ trên.

Tại bản tự khai và lời trình bày của chị Nguyễn Kiều P trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về thời gian chung sống, thời gian kết hôn và nơi đăng ký kết hôn đúng như anh D đã trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân nhau khoảng 01 năm nay. Nay anh D yêu cầu ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung, vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Gia H, sinh năm 2017, hiện nay con đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị đồng ý tiếp tục trực tiếp nuôi con và anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: chị xác định không có.

Về nợ chung: Chị xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng có nợ anh T 4.000.000đ, nợ ông Ph 40.000.000đ, còn khoản nợ anh Tr 15.000.000đ là nợ riêng của anh D do anh D vay để làm ăn, không liên quan đến chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu anh D có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên, không đề cập đến trách nhiệm trả nợ của chị.

Tại các bản tự khai ngày 13/4/2018, 04/6/2018 của ông Nguyễn Thế Ph trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Trước đây, ông có cho vợ chồng anh D và chị P mượn 40.000.000đ, không tính lãi. Ông Nguyễn Văn B, là cha của chị P, ký biên nhận bảo lãnh. Nay ông xác định không yêu cầu anh D và chị P trả số tiền 40.000.000đ trong vụ án ly hôn này. Nếu sau này giữa ông, anh D và chị P không thỏa thuận được, ông sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Do bận việc nên ông xin vắng mặt tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử.

Tại bản tự khai và lời trình bày của ông Nguyễn Văn B tại phiên tòa ngày 22/3/2018, đơn xin vắng mặt ngày 21/6/2018 thể hiện:

Trước đó, anh D có thiếu nợ làm ăn nên ông Nguyễn Thế Ph có cho mượn số tiền 40.000.000đ để anh D trả nợ, ông là người đứng ra bảo lãnh nhận nợ. Nay D và P ly hôn, ông yêu cầu anh D trả số tiền trên cho ông để ông trả cho ông Ph. Do bận việc nên ông xin vắng mặt tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử.

Tại Đơn không yêu cầu khởi kiện và đơn xin vắng mặt của anh Trần Trọng Tr cùng ngày 13/6/2018 thể hiện:

Trước đây, anh có cho vợ chồng anh D và chị P mượn 15.000.000đ. Nay anh D và chị P ly hôn, anh không yêu cầu anh D và chị P trả số tiền 15.000.000đ trong vụ án ly hôn này mà để tự thỏa thuận với nhau, nếu không thỏa thuận được, anh yêu cầu thành vụ kiện khác. Do bận việc nên anh xin vắng mặt tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trần Quốc T đã được Tòa án thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa xét xử theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Thế Ph, anh Trần Trọng Tr yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung các đương sự tranh chấp được xác định là yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về hôn nhân, anh D và chị P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1, tỉnh Cà Mau vào ngày 13/01/2017 theo quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, anh D xin ly hôn, chị P đồng ý. Xét thấy, giữa anh D và chị P thực tế đã có mâu thuẫn với nhau, việc anh D và chị P thuận tình ly hôn trên tinh thần tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung, vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Gia H, sinh năm 2017, hiện nay con đang sống chung với chị P. Khi ly hôn, anh D và chị P đều thống nhất giao con cho chị P tiếp tục nuôi, anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi, xét đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Anh D vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung anh D và chị P đều xác định không có nên không đề cập xem xét.

Về nợ chung, anh D xác định vợ chồng có nợ ông Ph số tiền 40.000.000đ, nợ anh T 4.000.000đ, nợ anh Tr 15.000.000đ và yêu cầu mỗi người có trách nhiệm

trả một nửa khi ly hôn, chị P cho rằng vợ chồng chỉ nợ ông Ph 40.000.000đ, nợ anh T 4.000.000đ, còn nợ anh Tr 15.000.000đ là nợ riêng của anh D, anh D có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên khi ly hôn. Ông B lại cho rằng vợ chồng anh D và chị P có nợ 40.000.000đ của ông Ph, ông đứng ra bảo lãnh. Nhưng các chủ nợ là ông Ph và anh Tr đều xác định không yêu cầu anh D và chị P giải quyết nợ trong vụ án này, khi nào có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết. Riêng đối với khoản nợ 4.000.000đ của ông T, xét thấy, ông T không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa xét xử cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về khoản nợ này, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[6] Anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 55, 56, 58, 60 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Kiều P thuận tình ly hôn với nhau.

2/ Về con chung: Buộc anh Nguyễn Văn D tiếp tục giao 01 con chung tên là Nguyễn Gia H, sinh năm 2017, hiện nay con đang sống chung với chị P, cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con tròn 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày có bản án có hiệu lực pháp luật. Anh D vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Trường hợp anh D không thực hiện cấp dưỡng nuôi con khoản tiền hàng tháng nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3/ Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: Không đề cập xem xét.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, anh D phải chịu. Anh D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số 0000389 vào ngày 26/02/2018, được đối trừ, anh D đã nộp đủ.

Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ, anh D phải chịu (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh D, chị P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Ph, ông B, ông T và anh Tr có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp Cà Mau;
- UBND xã T,
huyện T1, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Kim Oanh

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa

Hội thẩm nhân dân

Nguyễn Thị Ngọc Diệp

Lê Thị Kim Oanh

Nguyễn Hoàng Kha

